|  |  |
| --- | --- |
| THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH ĐIỆN BIÊN  **ĐOÀN GIÁM SÁT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /BC-ĐGS | *Điện Biên, ngày tháng 11 năm 2024* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả giám sát chuyên đề "Việc triển khai thực hiện các chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trên địa bàn tỉnh Điện Biên"**

Thực hiện Nghị quyết số 142/NQ-TTHĐND ngày 02/8/2024 của Thường trực HĐND tỉnh thành lập đoàn giám sát chuyên đề về “*Việc triển khai thực hiện các chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trên địa bàn tỉnh Điện Biên*”, từ ngày 16/9 đến ngày 04/10, Đoàn giám sát của Thường trực HĐND tỉnh tổ chức giám sáttại các huyện Điện Biên, Mường Nhé, Nậm Pồ, Tủa Chùa, Mường Ảng, Mường Chà, Điện Biên Đông, Tuần Giáo; làm việc trực tiếp với UBND tỉnh và 03 sở, ngành [[1]](#footnote-1); giám sát thông qua báo cáo đối với 02 đơn vị cấp huyện và các sở, ngành tỉnh. Đoàn giám sát của Thường trực HĐND tỉnh báo cáo kết quả giám sát như sau:

**PHẦN I**

**CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHUNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG**

**1. Việc thành lập, kiện toàn, tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG ở các cấp**

UBND tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo và quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo để tổ chức triển khai thực hiện 3 chương trình MTTQ trên địa bàn tỉnh[[2]](#footnote-2); UBND cấp huyện, cấp xã thành lập Ban chỉ đạo, Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, ban hành quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ đạo, Ban quản lý gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là nhiệm vụ cụ thể của cơ quan thường trực các Chương trình; tổ chức thành lập các đoàn giám sát liên ngành để kiểm tra tình hình triển khai các nhiệm vụ và đôn đốc tiến độ thực hiện các Chương trình tại các địa phương; thường xuyên tổ chức họp để đánh giá kết quả và đề ra các giải pháp tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025.

**2. Công tác triển khai thực hiện các chương trình MTQG**

Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành đầy đủ các văn bản quy định, hướng dẫn, triển khai thực hiện theo thẩm quyền [[3]](#footnote-3) để làm cơ sở cho các địa phương tổ chức, triển khai thực hiện các Chương trình phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương (*Phụ lục 01 kèm theo*).

Các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ để triển khai các Chương trình MTQG theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**3. Công tác thông tin, tuyên truyền và công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Chương trình MTQG**

- Công tác thông tin, tuyên truyền: Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền nội dung, chính sách, kế hoạch triển khai thực hiện các Chương trình MTQG với nhiều hình thức, phù hợp với điều kiện của ngành, địa phương như: thông qua các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền thanh, truyền hình; các cuộc họp, hội nghị tập huấn; đồng thời tích cực đăng tải, duy trì công khai các nội dung hoạt động, văn bản cập nhật tình hình, kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình trên trang thông tin điện tử của tỉnh, huyện và các cơ quan, đơn vị… nhằm tạo sự lan toả mạnh mẽ, tác động tích cực đến nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các cấp và của người dân, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và cộng đồng về triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Công tác kiểm tra, giám sát: Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ theo quy định; hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị và cộng đồng người dân. Qua đó đã kịp thời phát hiện chấn chỉnh những hạn chế thiếu sót; tiếp thu, tổng hợp những khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, tháo gỡ khó khăn cho địa phương.

**II. KẾT QUẢ CHUNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG (*Tính đến 30/6/2024*)**

**1.** **Đánh giá hiệu quả tác động của các Chương trình MTQG đến các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh**

Trong những năm qua, các cấp, các ngành, địa phương đã tổ chức triển khai thực hiện 3 Chương trình MTQG trên địa bàn đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần đáng kể vào kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh, nổi bật là:

- Về hạ tầng: trên địa bàn toàn tỉnh có 807 công trình được làm mới, nâng cấp, sửa chữa (trong đó: 321 công trình giao thông, 47 công trình điện, 109 công trình thủy lợi, 27 công trình nước sinh hoạt, 140 công trình văn hóa, 07 công trình y tế, 139 công trình giáo dục, 15 chợ, 02 công trình hạ tầng kỹ thuật) được đầu tư, hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng.

- Về thu nhập: Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 là 26.189 nghìn đồng/năm, tăng 4.340 nghìn đồng so với năm 2021.

- Về giảm nghèo: Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2023 còn 25,68%; giảm 9,22% so với năm 2021, đạt 73,6% so với Kế hoạch của tỉnh.

- Kết quả Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới: Tính đến 30/6/2024, toàn tỉnh đã công nhận được 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (tăng 4 xã so với năm 2021), 51 xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 07 xã so với năm 2021); số tiêu chí bình quân 14,3 tiêu chí/xã (tăng 1,2 tiêu chí/xã so với năm 2021); Có 179 thôn, bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới kiểu mẫu (tăng 96 xã so với năm 2021).

- Kết quả Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Dự kiến năm 2024, tổng số hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 31.385 hộ, chiếm tỷ lệ 22,03%; giảm 12,87% tỷ lệ hộ nghèo so với đầu kỳ năm 2021, đạt 80,43% mục tiêu đến 2025 trong Kế hoạch của tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo giảm bình quân hằng năm từ 5,5% trở lên. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 5% đạt mục tiêu kế hoạch hằng năm; theo kế hoạch, phấn đấu đến hết năm 2025, tỉnh Điện Biên có 02 huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn; các chỉ tiêu, nhiệm vụ được thực hiện đảm bảo theo kế hoạch của tỉnh.

- Kết quảChương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tính đến ngày 30/6/2024, đã hoàn thành 14 chỉ tiêu chủ yếu trong Kế hoạch thực hiện Chương trình của tỉnh đã đề ra.

**2. Công tác lập kế hoạch; huy động nguồn lực; phân bổ, giao dự toán; tiến độ giải ngân nguồn vốn để thực hiện các Chương trình MTQG**

- Việc lập kế hoạch, thẩm định, phê duyệt dự toán thực hiện các chương trình MTQG hàng năm và giai đoạn 2021-2025: Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết[[4]](#footnote-4) phê duyệt, thông qua; UBND tỉnh ban hành các Quyết định[[5]](#footnote-5) giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025, kế hoạch hàng năm đối với các Chương trình MTQG trên địa bàn làm cơ sở cho cấp huyện phân bổ, giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của các Chương trình MTQG đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật.

- Việc huy động các nguồn lực; lồng ghép các chính sách, nguồn vốn để thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn: Tính đến 30/6/2024, toàn tỉnh đã huy động các nguồn lực được **13.267.262 triệu đồng** để thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn, đạt 109% kế hoạch, cụ thể:

+ Vốn Ngân sách trung ương hỗ trợ trực tiếp là: **5.816.028 triệu đồng** (trong đó, vốn đầu tư phát triển (ĐTPT): 3.733.641 triệu đồng, vốn sự nghiệp (SN): 2.082.387 triệu đồng).

+ Vốn Ngân sách địa phương: **294.516** triệu đồng (trong đó vốn ĐTPT: 186.470 triệu đồng, vốn SN: 108.046 triệu đồng).

+ Vốn lồng ghép các Chương trình, dự án: **6.548.435** triệu đồng.

+ Vốn tín dụng: **167.529** triệu đồng.

+ Vốn doanh nghiệp: **407.130** triệu đồng.

+ Vốn huy động từ người dân và cộng đồng: **33. 624** triệu đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục 10 đính kèm).*

- Việc phân bổ, giao dự toán, thực hiện kế hoạch hàng năm và giai đoạn 2021-2025: Tính đến năm 2024 thực hiện phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 là **6.115.669 triệu đồng,** trong đó: Vốn ngân sách trung ương (NSTW) là **5.821.257 triệu đồng** (trong đó: vốn đầu tư phát triển là: 3.738.870 triệu đồng, vốn sự nghiệp là: 2.082.387 triệu đồng);Vốn ngân sách địa phương (NSĐP) là **294.412 triệu đồng** (trong đó: vốn đầu tư phát triển là: 186.336 triệu đồng, vốn sự nghiệp là: 108.046 triệu đồng). *(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm).*

- Tình hình giải ngân vốn: tính đến 30/6/2024, đã thực hiện giải ngân tổng số vốn là **3.867.202 triệu đồng**, **đạt 63,3%** so với kế hoạch vốn giao (trong đó: vốn đầu tư là 2.962.647 triệu đồng, đạt 75,6% so với kế hoạch vốn; vốn sự nghiệp là 904.556 triệu đồng, đạt 41,3% kế hoạch vốn), cụ thể:

+ Năm 2022: tổng số vốn giao là **1.598.716 triệu đồng**; tổng số vốn giải ngân là **964.282 triệu đồng**, **đạt 59,19%**, (trong đó: vốn NSTW là 901.556 triệu đồng (ĐTPT: 783.445 triệu đồng, SN: 118.111 triệu đồng), vốn NSĐP là 62.726 triệu đồng (ĐTPT: 56.770 triệu đồng, SN: 5.956 triệu đồng)).

+ Năm 2023: tổng số vốn giao là **2.287.802 triệu đồng**; tổng số vốn giải ngân là **1.876.744 triệu đồng**, **đạt 82,03%**, (trong đó: vốn NSTW là 1.806.881 triệu đồng (ĐTPT: 1.277.376 triệu đồng, SN: 529.505 triệu đồng), vốn NSĐP là 69.863 triệu đồng (ĐTPT: 26.051 triệu đồng, SN: 43.813 triệu đồng)).

+ Năm 2024 tổng số vốn giao là **2.223.923 triệu đồng**; tính đến 30/6/2024 tổng số vốn giải ngân là **592.434 triệu đồng**, **đạt 26,64%**, (trong đó: vốn NSTW là 545.260 triệu đồng (ĐTPT: 416.428 triệu đồng, SN: 128.832 triệu đồng), vốn NSĐP là 47.173 triệu đồng (ĐTPT: 40.768 triệu đồng, SN: 6.405 triệu đồng)).

*(Chi tiết theo Phụ lục 3 đính kèm)*

+ Giải ngân vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024 (*bao gồm phần được phép kéo dài từ năm 2021, 2022 sang năm 2024 của các Chương trình MTQG*) tính đến 30/6/2024 là **433.742 triệu đồng**, (trong đó, vốn ĐTPT là 361.809 triệu đồng, đạt 55,7%; vốn SN là 71.934 triệu đồng, đạt 11,2%). *(Chi tiết theo Phụ lục 4 đính kèm).*

**3. Kết quả lồng ghép nguồn vốn thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn**

Xác định 3 chương trình MTQG là chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh đã đặc biệt quan tâm và xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm để tổ chức, triển khai thực hiện, chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành các chương trình MTQG.

Việc quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tại Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022. Các địa phương căn cứ nguồn lực phân bổ trên địa bàn chủ động trong việc lồng ghép các nguồn lực để đảm bảo thực hiện các mục tiêu của Chương trình.

Việc phân bổ vốn đảm bảo tuân thủ theo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện các Chương trình MTQG theo quy định của Trung ương và HĐND tỉnh tại các Nghị quyết: số 02/2022/NQ-HĐND ngày 02/4/2022; số 06/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022; số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022.

**PHẦN II**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN TỪNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG**

**(*Tính đến 30/6/2024*)**

**I. CHƯƠNG TRÌNH MTQG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

**1. Về công tác lập kế hoạch, phân bổ, sử dụng nguồn vốn và huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình**

- Công tác huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình: Toàn tỉnh đã huy động các nguồn lực được **7.672.956 triệu đồng** để thực hiện chương trình MTQG về xây dựng NTM trên địa bàn. *(Chi tiết theo Phụ lục 10 đính kèm).*

- Kết quả phân bổ, giao vốn; giá trị giải ngân vốn; Tỷ lệ vốn được giải ngân:

+ Kết quả phân bổ, giao vốn: Tổng kế hoạch vốn dự kiến của giai đoạn 2022-2024 là 654.548 triệu đồng; lũy kế số vốn đã giao đến 30/6/2024 là **649.423 triệu đồng**, trong đó nguồn vốn NSTW là 611.489 triệu đồng (gồm vốn ĐTPT 536.768 triệu đồng, vốn SN 74.721 triệu đồng); nguồn vốn NSĐP là 37.934 triệu đồng (gồm vốn ĐTPT 32.815 triệu đồng, vốn SN 5.119 triệu đồng).

+ Kết quả giải ngân: Tổng số vốn giải ngân đến 30/6/2024 là 349.440 triệu đồng, đạt 53,8% so với tổng vốn được phân bổ (trong đó vốn NSTW là 276.764 triệu đồng, vốn NSĐP là 2.720 triệu đồng, vốn kéo dài NSTW là 69.956 triệu đồng). Cụ thể:

Năm 2022, giải ngân được 120.067 triệu đồng, đạt 57%, trong đó: vốn NSTW là 119.505 triệu đồng (ĐTPT 114.183 triệu đồng, SN 5.322 triệu đồng); vốn sự nghiệp NSĐP là 562 triệu đồng.

Năm 2023, giải ngân được 123.994 triệu đồng, đạt 55,37%, trong đó: vốn NSTW là 121.836 triệu đồng (ĐTPT 93.763 triệu đồng, SN 28.074 triệu đồng); vốn sự nghiệp NSĐP là 2.158 triệu đồng.

Năm 2024, giải ngân đến 30/6/2024 được 35.422 triệu đồng, đạt 16,49% trong đó: Vốn NSTW là 35.422 triệu đồng (33.250 triệu đồng vốn đầu tư phát triển; 2.172 triệu đồng vốn sự nghiệp).

*(Chi tiết theo Phụ lục 3 đính kèm)*

Giải ngân vốn kéo dài tính đến 30/6/2024 là 69.956 triệu đồng, (trong đó, vốn ĐTPT là 69.446 triệu đồng, đạt 41%; vốn SN là 510 triệu đồng, đạt 3,26%). (*Chi tiết theo Phụ lục 4 đính kèm*).

+ Kết quả cho vay nguồn vốn tín dụng trong xây dựng nông thôn mới: Tổng số vốn vay nguồn vốn tín dụng trong xây dựng nông thôn mới từ năm 2021 đến tháng 6/2024 là 57.047 triệu đồng, chiếm 0,74%, (*trong đó: năm 2021 là 4.210 triệu đồng; năm 2022 là 19.530 triệu đồng; năm 2023 là 29.317 triệu đồng; 6/2024 là 4.350 triệu đồng*).

**2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình**

- Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: Hiện nay có 01 đơn vị cấp huyện (Thị xã Mường Lay) đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị thẩm tra đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2023. Chưa đạt so với Kế hoạch của tỉnh đề ra (có 02 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới).

- Xã nông thôn kiểu mẫu: Đến nay chưa có xã nông thôn mới kiểu mẫu được công nhận. Chưa đạt so với Kế hoạch của tỉnh (có 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu).

- Xã nông thôn mới nâng cao: Đến nay, có 04 xã nông thôn mới nâng cao được công nhận, đạt 44,44% Kế hoạch của tỉnh (có 09 xã nông thôn mới nâng cao).

- Số xã được công nhận đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới là 51 xã, đạt 67,11% so với kế hoạch của tỉnh. Trong đó, có 23/115 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 71,86% so Kế hoạch (có 32 xã nông thôn mới); 28 xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 63,64 so với Kế hoạch (có 44 xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới), tăng 13 xã so với giai đoạn 2016-2020; có 07 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, 46/115 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, còn 11 xã dưới 10 tiêu chí, chưa đạt so với Kế hoạch (không còn xã dưới 10 tiêu chí); Số tiêu chí bình quân là 14,3 tiêu chí/xã, tăng 2,55 tiêu chí so với giai đoạn 2016-2020, đạt 92,5% Kế hoạch (bình quân đạt 15,45 tiêu chí/xã).

- Số thôn, bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới kiểu mẫu là 179 thôn, bản, đạt 27,54% so với Kế hoạch của tỉnh. Trong đó, số thôn, bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là 86 thôn, bản, đạt 23,62% so với Kế hoạch; Số thôn, bản được công nhận thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu là 93 thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu, đạt 65,50% Kế hoạch.

**3. Kết quả thực hiện các nội dung thành phần của chương trình**

***3.1. Nội dung thành phần số 01:*** *Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội gắn với quá trình đô thị hóa*

- Tiêu chí số 1 về Quy hoạch:

+ Nội dung 1: Toàn tỉnh có 115/115 xã có đồ án quy hoạch, đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch. Tuy nhiên, một số nội dung trong các đồ án quy hoạch giai đoạn trước không còn phù hợp nhưng mới có 38/115 xã đã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung [[6]](#footnote-6).

+ Nội dung 2: Hiện nay, các huyện chưa thực hiện rà soát điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng huyện, trong đó có quy hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

+ Nội dung 3: Quy hoạch tỉnh Điện Biên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 109/QĐ-TTg ngày 27/01/2024.

***3.2. Nội dung thành phần số 02:*** *Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn, đô thị và kết nối vùng miền.*

- *Tiêu chí số 2 về Giao thông:* Đến nay, có 115/115 xã đã có đường ô tô đến trung tâm xã đảm bảo đi lại quanh năm. Trong giai đoạn 2021-2023, đã làm mới, nâng cấp, sửa chữa 263 công trình đường giao thông nông thôn với tổng số km là 764,3 km; có 77/115 xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông (đạt 66,95%), tăng 22 xã so với năm 2020.

- *Tiêu chí số 3 về Thủy lợi:* Giai đoạn 2021-2023, tổng số công trình thủy lợi được cải tạo, nâng cấp, xây mới là 101 công trình; 163,48 km kênh mương nội đồng đã được kiên cố hóa. Diện tích trồng trọt đã được tưới tiêu đạt 108.353,5 ha, diện tích nuôi trồng thủy sản được cấp thoát nước 1.900,35 ha; số xã đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi là 115/115 xã (đạt 100% Kế hoạch của tỉnh) tăng 04 xã so với năm 2020.

- *Tiêu chí số 4 về Điện:* Giai đoạn 2021-2023, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện đầu tư 46 trạm biến áp 35KV, xây dựng mới 107,1 km tuyến đường dây 35KV, 88,67 km tuyến đường dây 0,4KV cho 48 thôn, bản với 2.279 hộ dân. Đến nay, có 93,26% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia, số thôn, bản có điện là 1.330/1.448 tổng số thôn, bản toàn tỉnh; còn 118 thôn, bản với trên 10.000 hộ chưa được sử dụng điện lưới quốc gia; số xã đạt tiêu chí số 4 về Điện là 77/115 xã (đạt 66,96% Kế hoạch của tỉnh), tăng 16 xã so với năm 2020.

- *Tiêu chí số 5 về Trường học:* Trong giai đoạn 2021-2023, xây mới 03 trường học, xây mới 27 phòng học, nâng cấp sửa chữa trường học 19 trường học. Hiện nay, cơ sở vật chất toàn ngành Giáo dục, gồm: 7.406 phòng học (có 5.507 phòng học kiên cố, chiếm tỷ lệ 74,36%); phòng học bộ môn có 1.380 phòng (có 1.052 phòng kiên cố, chiếm tỷ lệ 76,23%); phòng ở nội trú, bán trú học sinh có 3.547 phòng (có 1.868 phòng kiên cố, chiếm tỷ lệ 52,66%); phòng công vụ giáo viên có 1.735 phòng (trong đó có 778 phòng kiên cố, chiếm tỷ lệ 44,84%). Số xã đạt tiêu chí số 5 về trường học là 92/115 xã đạt 80% Kế hoạch của tỉnh, tăng 29 xã so với năm 2020.

- *Tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa:* Giai đoạn 2021-2023, có 114 nhà văn hóa thôn, bản được xây mới, nâng cấp, sửa chữa. Đến nay, toàn tỉnh có 90/115 xã có nhà văn hóa, 671 nhà văn hóa thôn, bản. Tuy nhiên, trang thiết bị thiếu và chưa đồng bộ; hầu hết các xã chưa có nhà tập thể dục thể thao, sân bãi, khu vui chơi giải trí, sân tập thể thao chưa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định, chủ yếu được sử dụng từ các sân của thôn, bản, trường học hoặc các sân bãi tự nhiên. Đến nay, có 92/115 xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa (đạt 80% Kế hoạch của tỉnh), tăng 26 xã so với năm 2020.

- *Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:* Giai đoạn 2021-2023, đã xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp 13 chợ nâng tổng số chợ đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 38 chợ (trong đó xã có chợ nông thôn là 20 xã). Đến nay, có 111/115 xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (đạt 96,5% Kế hoạch của tỉnh), tăng 9 xã so với năm 2020.

- *Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông:* Đến nay, toàn tỉnh có 115 xã có điểm phục vụ bưu chính, 81 xã có dịch vụ viễn thông, internet, 115 xã có hệ thống loa đến các thôn, bản, 77 xã có ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành; có 109/115 xã đạt tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông (đạt 94,78% Kế hoạch của tỉnh) tăng 18 xã so với năm 2020.

***3.3. Nội dung thành phần số 03:*** *Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Đề án mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững*

- Tái cơ cấu, ngành nông nghiệp: Trên địa bàn tỉnh đã hình thành một số vùng sản xuất tập trung, theo hướng sản xuất hàng hóa như lúa gạo quy mô trên 4.000 ha, cà phê trên 2.500 ha, chè 600 ha, mắc ca trên 4.000 ha. Đẩy mạnh xây dựng các chuỗi giá trị nông sản *(đã có 33 chuỗi được xác nhận, 25 chuỗi vẫn còn duy trì hoạt động)*, hướng dẫn, cấp cấp mã số vùng trồng đối với các đối tượng cây trồng *(với 08 mã đã được xác nhận với 49 ha)*, khuyến khích các cơ sở áp dụng các quy trình sản xuất an toàn *(với 24,5 ha được công nhận hữu cơ, VietGAP)*; áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất và thu hoạch... Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 14 dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, với tổng số vốn đăng ký là 11.981,3 tỷ đồng, đây là nguồn lực góp phần tạo động lực lớn để phát triển nông nghiệp.

- Chương trình OCOP bước đầu đã tạo sức lan tỏa, thu hút sự tham gia và phát huy vai trò của các chủ thể kinh tế trong việc nâng cấp hoàn thiện sản phẩm theo nhu cầu thị trường và tái cơ cấu tổ chức kinh tế theo hướng liên kết. Các sản phẩm có nhiều chuyển biến rõ nét về chất lượng và bao bì nhãn mác, truy xuất nguồn gốc, một số sản phẩm có vùng nguyên liệu được hỗ trợ chứng nhận VietGAP, chứng nhận hữu cơ, chủ thể đạt được các chứng nhận quản lý tiên tiến như chứng nhận HACCP, GMP FOOD. Đến nay, toàn tỉnh có 72 sản phẩm được chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh, trong đó, có 05 sản phẩm đạt 4 sao và 67 sản phẩm 3 sao.

*- Tiêu chí số 10 về thu nhập:* Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến tháng 6/2024 ước đạt 19,52 triệu đồng/người/năm, tăng 3,096 triệu đồng so với năm 2020. Đến nay, có 23/115 xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập (đạt 20% Kế hoạch của tỉnh), tăng 02 xã so với năm 2020.

*- Tiêu chí số 12 về Lao động:* Tổng số lao động được hỗ trợ học nghề 9.137 người[[7]](#footnote-7), tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 62,15%. Đến nay, có 93/115 xã đạt tiêu chí số 12 về lao động (đạt 80,86% Kế hoạch của tỉnh), giảm 22 xã so với năm 2020.

*- Tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:* Hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục được đổi mới, phát triển cả về số lượng, chất lượng và từng bước nâng cao hiệu quả. Đã tập trung phát triển các Hợp tác xã, Tổ hợp tác và các trang trại sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các hợp tác xã tham gia các dự án sản xuất liên kết theo mô hình chuỗi giá trị. Đến nay, toàn tỉnh có 226 HTX nông nghiệp, tăng 66 HTX so với năm 2020; với số vốn điều lệ trung bình là 2.805 triệu đồng/HTX, doanh thu bình quân đạt 1.698 triệu đồng/HTX/năm, lợi nhuận bình quân đạt 364 triệu đồng/năm, thu nhập bình quân thành viên HTX đạt 46 triệu đồng/người/năm.Đến nay, có 70/115 xã đạt tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn (đạt 60,86% Kế hoạch của tỉnh), tăng 02 xã so với năm 2020.

***3.4. Nội dung thành phần số 4:*** *Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi*

- *Tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư:* Chất lượng nhà ở (nhà ở kiên cố và bán kiên cố) khu vực nông thôn được cải thiện, tăng lên; thực hiện mục tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Điện Biên, từ năm 2021 đến nay, tỉnh đã tích cực vận động các nguồn lực xã hội hóa hỗ trợ làm nhà cho 8.238 hộ gia đình chính sách, hộ nghèo với tổng kinh phí trên 404,8 tỷ đồng; hiện nay toàn tỉnh còn 3.309 nhà tạm, nhà dột nát... Số xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư là 73/115 xã (đạt 63,48% Kế hoạch của tỉnh) tăng 27 xã so với năm 2020.

- *Tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều*: Tổng số hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn đến hết năm 2023 là 50.677 hộ, chiếm tỷ lệ 44,20% (trong đó, hộ nghèo là 30,94% và hộ cận nghèo là 13,26%), giảm 0,64% so với năm 2021[[8]](#footnote-8) (tính theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025); số xã đạt tiêu chí số 11 về hộ nghèo là 24/115 xã (đạt 20,86% Kế hoạch của tỉnh), tăng 02 xã so với năm 2020*.*

***3.5. Nội dung thành phần số 05:*** *Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn*

- *Tiêu chí số 14 về giáo dục và Đào tạo*: Toàn tỉnh có 100% đơn vị hành chính cấp xã và cấp huyện duy trì vững chắc kết quả xóa mù chữ mức độ 1, phổ cập GDMN, phổ cập GDTH mức độ 2 và PCGD THCS mức độ 2, số đơn vị hành chính cấp xã đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 3 và phổ cập GD THCS mức độ 3 tiếp tục tăng. Toàn tỉnh đã có 115/115 xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập GDTH mức độ 2, phổ cập GD THCS mức độ 2; có 128/129 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 3; có 111/129 xã đạt phường, thị trấn chuẩn phổ cập GD THCS mức độ 3. Đến nay, toàn tỉnh có 104/115 xã đạt tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo (đạt tỷ lệ 90,43% Kế hoạch của tỉnh), tăng 35 xã so với năm 2020.

- *Tiêu chí số 15 về Y tế:* Toàn tỉnh có 90/115 xã đạt tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế; 70/115 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; 52/115 xã đạt có tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi); 23/115 xã đạt có tỷ lệ người dân có sổ khám bệnh điện tử. Có 88/115 xã cơ bản đạt Tiêu chí Y tế (đạt 76,52% Kế hoạch của tỉnh), tăng 13 xã so với năm 2020*.*

***3.6. Nội dung thành phần số 06****:**Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn*

*Tiêu chí số 16 về Văn hóa:* Có 1.234/1.445 thôn, bản, tổ dân phố toàn tỉnh đạt danh hiệu “Thôn, bản, khu dân cư văn hóa”, chiếm 85,4%; có 106.692/137.803 hộ gia đình toàn tỉnh đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”, chiếm tỷ lệ 77,4%. Đến nay, toàn tỉnh có 97/115 xã đạt Tiêu chí số 16 về Văn hoá (đạt 84,35% Kế hoạch của tỉnh), tăng 23 xã so với năm 2020.

***3.7. Nội dung thành phần số 07:*** *Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam*

*Tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm:* Số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 12.419/13.462 hộ, đạt 92,46%, tăng 12,26% so với năm 2020;tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, đạt 106/115 xã, tỷ lệ 92,2%; cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; 98/115 xã không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung, đạt tỷ lệ 85,2%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định, đạt 74/115 xã, tỷ lệ 64,34%; tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, đạt 97/115 xã, tỷ lệ 84,3%; tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt 75/115 xã, tỷ lệ 65,2%; tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt 81/115 xã, tỷ lệ 70,4%; tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định, đạt 92/115 xã, tỷ lệ 80%. Đến nay, toàn tỉnh có 83/115 xã đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm (đạt 83% Kế hoạch của tỉnh), tăng 36 xã so với năm 2020.

***3.8. Nội dung thành phần số 8:*** *Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực lực gia đình*

*Tiêu chí số 18 về hệ thống tổ chức chính trị xã hội:* Đến nay, tổng số cán bộ công chức xã là 2.590 người[[9]](#footnote-9), trong đó, tỷ lệ cán bộ, công chức xã đạt chuẩn về trình độ văn hóa (THPT) là 2.464/2.590 người (đạt 95,1%); đạt chuẩn về trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên là 2.515/2.590 người (đạt 97,1%); cán bộ cấp xã đạt chuẩn về trình độ lý luận chính trị từ Trung cấp trở lên là 1.285/1.331 người (đạt 96,6%); Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: 108/114 xã tiêu chí, chiếm 94,73%; Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: 114/114 xã đạt tiêu chí, chiếm 100%; 77/115 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định; 50/115 xã đạt chỉ tiêu đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia định, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội. Đến nay, toàn tỉnh có 92/115 xã đạt tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (đạt 80% Kế hoạch của tỉnh), tăng 33 xã so với năm 2020.

***3.9. Nội dung thành phần số 9:*** *Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới*

Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp, Hội Nông dân các cấp, Đoàn TNCSHCM các cấp, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã tích cực hướng dẫn, triển khai thực hiện khá toàn diện các nội dung: Tuyên truyền về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh"; phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các chi hội nông dân nghề nghiệp, tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự" và "5 cùng"; vận động "Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch"; phong trào sản xuất kinh doanh giỏi, giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững; chương trình khởi nghiệp thanh niên làm kinh tế, triển khai hiệu quả chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới; tập huấn kiến thức về sản xuất, kinh doanh, sử dụng nông sản thực phẩm an toàn; hướng dẫn mô hình điểm phân loại rác thải tại nguồn và xử lý rác hữu cơ; triển khai 10 mô hình điểm tại 9 xã về vun đắp giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam thực hiện cuộc vận động gia đình 5 không 3 sạch...

***3.10. Nội dung thành phần số 10:*** *Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn*

*Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh:* Tình hình an ninh trật tự xã hội nông thôn trên địa bàn tỉnh tiếp tục được củng cố và giữ vững; tình hình di cư tự do, tuyên truyền đạo trái phép được kiểm soát; làm tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh tội phạm; chú trọng giải quyết đơn khiếu nại tại cơ sở không để vượt cấp; tích cực tham gia phát hiện, đấu tranh, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật. Tiếp tục củng cố, xây dựng lực lượng nòng cốt, tổ chức quần chúng làm công tác giữ gìn an ninh trật tự cơ sở, các mô hình, loại hình phong trào an ninh tổ quốc như: xây dựng mô hình thôn, bản tự quản, câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, tổ thanh niên xung kích an ninh... Đến nay, có 108/115 xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh (đạt 93,91% Kế hoạch của tỉnh), tăng 03 xã so với năm 2020.

***3.11. Nội dung thành phần số 11:*** *Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới, truyền thông về xây dựng nông thôn mới, thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới":*

- *Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình:* Trong giai đoạn 2021-2023, UBND tỉnh, Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh đã lồng ghép tổ chức được 13 Đoàn kiểm tra xuống làm việc với các địa phương về phát triển kinh tế xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức 18 cuộc kiểm tra, làm việc với Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG các huyện, thị xã, thành phố kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc ở các địa phương trong quá trình thực hiện.

- *Truyền thông và nâng cao năng lực về xây dựng nông thôn mới:* Trong giai đoạn 2021-2023, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã mở được 44 lớp tập huấn với 1.440 lượt người tham dự, các nội dung tập huấn đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 3360/QĐ-BNNPTNT ngày 06/9/2022 phê duyệt khung Chương trình tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới với 19 nội dung chuyên đề.

- *Thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3106/KH-UBND ngày 26/9/2022 về tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2021-2025; Hướng dẫn số 4097/HD-UBND ngày 16/12/2022 về việc khen thưởng thành tích trong thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2021-2025. Sở NN&PTNT, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã phối hợp với Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện triển khai rộng khắp phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; các cấp, các ngành đã tích cực tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, hội viên, đoàn viên, người dân hưởng ứng tham gia thực hiện phong trào, tạo sự đồng thuận, lan tỏa trong xã hội về xây dựng nông thôn mới.

**II. CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

**1. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (năm 2021,****2022, 2023)**

- Năm 2021:

*+ Theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016- 2020*: Tổng số hộ nghèo 36.996 hộ, tỷ lệ hộ nghèo: 27,33%;Tổng số hộ cận nghèo 12.577 hộ, tỷ lệ hộ cận nghèo 9,29%.

*+ Theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025:*Tổng số hộ nghèo: 47.233 hộ, chiếm tỷ lệ 34,90%; tỷ lệ nghèo đa chiều chiếm 42,54%.Tổng số hộ cận nghèo: 10.343 hộ, chiếm tỷ lệ 7,64%.Tổng số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số: 46.804 hộ, chiếm tỷ lệ 44,95% tổng số hộ dân tộc thiểu số.

- Năm 2022: Tổng số hộ nghèo: 41.706 hộ, chiếm tỷ lệ 30,35%; Tỷ lệ nghèo đa chiều chiếm 39,98% (giảm 2,56% so với năm 2022);Tổng số hộ cận nghèo: 13.241 hộ, chiếm tỷ lệ 9,63%;Tổng số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số: 41.346 hộ, chiếm tỷ lệ 38,77% tổng số hộ dân tộc thiểu số.

- Năm 2023: Tổng số hộ nghèo: 35.922 hộ, chiếm tỷ lệ 25,68%; Tỷ lệ nghèo đa chiều chiếm 36,97% (giảm 3,01% so với năm 2023); Tổng số hộ cận nghèo 15.793 hộ, chiếm tỷ lệ 11,29%; Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số: 35.618 hộ, chiếm tỷ lệ 32,91% tổng số hộ dân tộc thiểu số.

**2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình**

Dự kiến đến hết năm 2024 tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 4%/năm; trong đó huyện nghèo giảm bình quân khoảng 5,5%. Vượt và đạt mục tiêu kế hoạch đề ra. Có 02 huyện (Mường Ảng và Tuần Giáo) đăng ký và phấn đấu thoát huyện nghèo, đặc biệt khó khăn. 12/12 chỉ tiêu đều được triển khai thực hiện, trong đó có 4 chỉ tiêu đã đạt Kế hoạch của tỉnh.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều chỉ tiêu đạt tỉ lệ thấp, cụ thể như: Chiều thiếu hụt về việc làm: mới có 2.048 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công (đạt 24,09% mục tiêu KH đến năm 2025);có 5.381 người lao động được hỗ trợ đào tạo nghề; có 115 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ (đạt 50% mục tiêu KH đến năm 2025). Chiều thiếu hụt về Y tế: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi toàn tỉnh là 24,5%; trong đó tỷ lệ tại huyện nghèo là 27,4%. Tỷ lệ suy dinh dưỡng gầy còm trẻ em dưới 5 tuổi toàn tỉnh là 2,5%; trong đó tỷ lệ tại huyện nghèo là 3,1%. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn là 28%. Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế ước đạt 36,4% (47 xã), trong đó tại huyện nghèo ước đạt 30,1% (28 xã).Chiều thiếu hụt về nhà ở: Đến 30/6/2024 có 1.621 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được hỗ trợ nhà ở, bảo đảm có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai (đạt 34,62% so với mục tiêu đến năm 2025 theo Kế hoạch của tỉnh).

*(Chi tiết kết quả thực hiện tại phụ lục 7, phụ lục 8 kèm theo)*

**3. Về công tác lập kế hoạch, phân bổ, sử dụng nguồn vốn và huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình**

- Công tác huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình: Toàn tỉnh đã huy động các nguồn lực được **2.120.425 triệu đồng** để thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn. *(Chi tiết theo Phụ lục 10 đính kèm).*

- Kết quả phân bổ, giao vốn; giá trị giải ngân vốn; Tỷ lệ vốn được giải ngân:

+ Kết quả phân bổ, giao vốn: Đến năm 2024, tổng nguồn vốn được phân bổ 2.119.974 triệu đồng, trong đó vốn NSTW là 2.042.660 triệu đồng (ĐTPT: 1.356.588 triệu đồng, SN: 686.072 triệu đồng); vốn NSĐP là 77.314 triệu đồng (ĐTPT: 44.655 triệu đồng, SN 32.659 triệu đồng). Nguồn vốn huy động khác: 450 triệu đồng.

+ Kết quả giải ngân: Tổng nguồn vốn giải ngân tính đến 30/6/2024 là 1.520.562 triệu đồng, đạt 71,7% so với tổng vốn được phân bổ (trong đó vốn NSTW là 1.243.938 triệu đồng, vốn NSĐP là 62.269 triệu đồng, vốn kéo dài NSTW là 214.356triệu đồng). Cụ thể:

Năm 2022 giải ngân 566.422 triệu đồng, đạt 88,91% kế hoạch, trong đó: NSTW: 536.912 triệu đồng (vốn ĐTPT: 469.865 triệu đồng, vốn SN: 67.047 triệu đồng); vốn NSĐP: 29.510 triệu đồng (vốn ĐTPT: 26.770 triệu đồng, vốn SN: 2.740 triệu đồng).

Năm 2023 giải ngân 590.721 triệu đồng, đạt 79% kế hoạch, trong đó: NSTW: 571.428 triệu đồng (vốn ĐTPT: 399.818 triệu đồng; vốn SN: 171.610 triệu đồng); vốn NSĐP: 19.293 triệu đồng (vốn ĐTPT: 7.492 triệu đồng, vốn SN: 11.801 triệu đồng).

Năm 2024, tính đến 30/6/2024 giải ngân được 144.755 triệu đồng, đạt 20% kế hoạch, trong đó: NSTW: 135.599 triệu đồng (vốn ĐTPT: 101.781 triệu đồng, vốn SN: 33.818 triệu đồng); vốn NSĐP: 9.157 triệu đồng (vốn ĐTPT: 4.044 triệu đồng, vốn SN: 5.113 triệu đồng).

*(Chi tiết theo Phụ lục 3 đính kèm)*

Giải ngân vốn kéo dài tính đến 30/6/2024 là **214.356** triệu đồng, (trong đó, vốn ĐTPT là 182.655 triệu đồng, đạt 71,4%; vốn SN là 31.701 triệu đồng, đạt 11,7%). (*Chi tiết theo Phụ lục 4 đính kèm*).

**4. Kết quả thực hiện các dự án thành phần của Chương trình**

***4.1. Dự án 1:*** *Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo*

*a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo*

- Vốn thực hiện giai đoạn 2021-2024 là 1.339.625 triệu đồng, trong đó: NSTW: 1.287.042 triệu đồng (vốn ĐTPT: 1.208.999 triệu đồng, vốn SN: 78.043 triệu đồng); NSĐP: 52.610 triệu đồng (vốn ĐTPT: 41.855 triệu đồng, vốn SN: 10.755 triệu đồng). Kết quả giải ngân đến 30/6/2024: 1.004.035,59 triệu đồng, đạt 74,95% kế hoạch vốn.

- Nội dung thực hiện: giai đoạn 2021-2024 có tổng 95 dự án đã được phân bổ vốn thực hiện đến hết 2024, trong đó: 50 dự án giáo dục (thực hiện đầu tư xây mới, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường mầm non, tiểu học, THCS và THPT); 3 dự án Y tế tuyến huyện (là các công trình cải tạo, nâng cấp, xây mới phòng khám đa khoa khu vực và tương đương); 18 công trình đường giao thông liên xã, 24 công trình văn hóa, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phục vụ dân sinh khác.

*b) Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025*

Vốn thực hiện giai đoạn 2021-2024: 87.339 triệu đồng: Trong đó: vốn NSTW: 87.149 triệu đồng (vốn ĐTPT: 70.000 triệu đồng, vốn SN: 17.149 triệu đồng); vốn NSĐP: 190 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Kết quả giải ngân đến ngày 30/6/2024 là 17.442,03 triệu, đồng đạt 19,97% kế hoạch vốn.

***4.2. Dự án 2:*** *Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo*

- Vốn sự nghiệp thực hiện giai đoạn 2021-2024 là 194.950 triệu đồng, trong đó: vốn NSTW: 190.407 triệu đồng; vốn NSĐP: 4.543 triệu đồng. Kết quả giải ngân đến 30/6/2024 là 51.848,90 triệu đồng, đạt 26,60% kế hoạch vốn.

- Nội dung thực hiện: các địa phương đã và đang triển khai trên 200 dự án, mô hình đa dạng hoá sinh kế giảm nghèo do cộng đồng đề xuất. Chủ yếu tập trung là các mô hình nuôi hươu sinh sản, nuôi lợn, gà, vịt; trồng cây dược liệu, cây quế và các loại cây ăn quả... Đối với dự án liên kết theo chuỗi giá trị, hiện có 21 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với sản phẩm quả Mắc ca tại huyện Tuần Giáo, hiện đang triển khai thực hiện các nội dung theo quyết định phê duyệt.

***4.3. Dự án 3:*** *Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng*

*a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*

- Vốn sự nghiệp thực hiện giai đoạn 2021-2024 là 81.865 triệu đồng, trong đó: vốn NSTW: 81.263 triệu đồng; vốn NSĐP: 602 triệu đồng. Kết quả giải ngân đến 30/6/2024 là 18.733,65 triệu đồng, đạt 22,88% kế hoạch vốn.

- Nội dung thực hiện: trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 86 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; trong đó: 33 dự án đã thẩm định và đang triển khai xây dựng, 53 dự án đang thẩm định.

*b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng*

- Vốn sự nghiệp thực hiện giai đoạn 2021-2024 là 21.995 triệu đồng, trong đó: vốn NSTW: 21.956 triệu đồng; vốn NSĐP: 39 triệu đồng. Kết quả giải ngân đến 30/6/2024: 10.364,19 triệu đồng, đạt 47,12% kế hoạch.

- Nội dung thực hiện: hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho 5.996 trẻ suy dinh dưỡng thấp còi dưới 5 tuổi và 20.591 trẻ suy dinh dưỡng thấp còi từ 5 đến dưới 16 tuổi.

***4.4. Dự án 4:*** *Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững*

*a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*

- Vốn thực hiện giai đoạn 2021-2024 là 169.321 triệu đồng, trong đó: vốn NSTW: 164.377 triệu đồng (vốn ĐTPT: 70.213 triệu đồng; vốn SN: 94.164 triệu đồng); vốn NSĐP: 4.944 triệu đồng (vốn ĐTPT: 2.800 triệu đồng; vốn SN: 2.144 triệu đồng). Kết quả giải ngân đến 30/6/2024: 83.029,32 triệu đồng, đạt 49,04% kế hoạch vốn giao.

- Nội dung thực hiện: Nguồn vốn đầu tư phát triển đã phân bổ 13 dự án xây dựng, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp 03 trường cao đẳng. Nguồn kinh phí sự nghiệp: hỗ trợ 03 trường cao đẳng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo và thực hiện nội dung hỗ trợ đào tạo lao động trên địa bàn tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố đã triển khai thực hiện trên 150 lớp đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho 5.381 lao động.

*b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*

- Vốn sự nghiệp thực hiện giai đoạn 2021-2024 là 10.407 triệu đồng, trong đó: vốn NSTW 10.362 triệu đồng; vốn NSĐP 45 triệu đồng. Kết quả giải ngân đến 30/6/2024: 65,420 triệu đồng, đạt 0,62% kế hoạch vốn.

*c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*

- Vốn thực hiện giai đoạn 2021-2024: 21.548 triệu đồng, trong đó: vốn NSTW: 21.406 triệu đồng (vốn ĐTPT: 7.376 triệu đồng; vốn SN: 14.030 triệu đồng); vốn NSĐP: 142 triệu đồng (vốn SN). Kết quả giải ngân đến 30/6/2024: 11.201,10 triệu đồng, đạt 51,98% kế hoạch vốn.

- Nội dung thực hiện: Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Điện Biên (Nguồn vốn đầu tư). Thực hiện cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động (Nguồn vốn sự nghiệp).

***4.5. Dự án 5:*** *Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo*

- Tổng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp và huy động thực hiện giai đoạn 2021-2024 là 115.780 triệu đồng, trong đó: vốn NSTW: 102.430 triệu đồng, vốn NSĐP: 12.900 triệu đồng, vốn huy động khác 450 triệu đồng. Kết quả giải ngân đến 30/6/2024 là 66.756 triệu đồng, đạt 57,66% kế hoạch vốn.

- Theo Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt[[10]](#footnote-10), giai đoạn 2021-2025: thực hiện hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở cho 4.682 hộ (hộ nghèo là 4.495 hộ; số hộ cận nghèo là 187 hộ). Đến hết tháng 6/2024 tổng số hộ được hỗ trợ nhà ở là 1.621 căn, trong đó 1.443 căn xây mới và 178 căn sửa chữa, bảo đảm diện tích sử dụng tối thiểu 30m2, “3 cứng”.

***4.6. Dự án 6:*** *Truyền thông và giảm nghèo về thông tin*

*a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*

- Vốn sự nghiệp thực hiện giai đoạn 2021-2024 là 36.698 triệu đồng, trong đó: vốn NSTW: 36.360 triệu đồng, vốn NSĐP: 338 triệu đồng. Kết quả giải ngân đến 30/6/2024: 17.142,10 triệu đồng, đạt 46,71% kế hoạch vốn.

- Nội dung thực hiện: Triển khai thực hiện nội dung thành phần: Tăng cường cơ sở vật chất cho đài truyền thanh xã (49 đài: 8 đài thiết lập mới, 41 đài mở rộng cụm loa); Sản xuất mới các sản phẩm, tác phẩm báo chí, xuất bản ấn phẩm truyền thông khác để cung cấp nội dung thiết yếu cho xã hội.

*b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*

Vốn sự nghiệp thực hiện giai đoạn 2021-2024 là 8.180 triệu đồng, trong đó: vốn NSTW: 8.144 triệu đồng, vốn NSĐP: 36 triệu đồng. Kết quả giải ngân đến 30/6/2024: 3.316,87 triệu đồng, đạt 40,55% kế hoạch vốn.

***4.7. Dự án 7:*** *Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình*

*a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*

- Vốn sự nghiệp thực hiện giai đoạn 2021-2024 là 20.647 triệu đồng, trong đó: vốn NSTW: 20.451 triệu đồng,vốn NSĐP: 196 triệu đồng. Kết quả giải ngân đến 30/6/2024: 13.922,85 triệu đồng, đạt 67,43% kế hoạch.

- Nội dung thực hiện: cấp tỉnh tổ chức 05 lớp cho 354 người. Cấp huyện, cấp xã tổ chức các cuộc đi học tập kinh nghiệm trong thực hiện dự án liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

*b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá*

- Vốn sự nghiệp thực hiện giai đoạn 2021-2024 là 11.592 triệu đồng, trong đó: vốn NSTW: 11.313 triệu đồng, vốn NSĐP: 279 triệu đồng. Kết quả giải ngân đến 30/6/2024: 4.039 triệu đồng, đạt 34,9% kế hoạch vốn.

- UBND tỉnh, các sở, ngành tổ chức Đoàn kiểm tra về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, tình hình triển khai tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; tình hình triển khai các dự án, tiểu dự án của Chương trình trên địa bàn 4 huyện: Tủa Chùa, Tuần Giáo, Điện Biên Đông, Mường Ảng[[11]](#footnote-11); Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức 09 đợt kiểm tra, giám sát tình hình triển khai các dự án, tiểu dự án của Chương trình, công tác rà soát hộ nghèo trên địa bàn.

**III. CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI**

**1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình**

Đến thời điểm 30/6/2024, đã hoàn thành 14 chỉ tiêu chủ yếu trong Chương trình của tỉnh đã đề ra, cụ thể:

(1) Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) trung bình mỗi năm 6,02/5%.

(2) Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa đạt 78,70/70%.

(3) Tỷ lệ đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 93,20/85%.

(4) Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề đạt 33,2/33,2%.

(5) Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 05 tuổi đến trường đạt 99,9/99%.

6) Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường đạt 99,9/99,84%.

(7) Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học THCS đến trường đạt 97,4/96,7%.

(8) Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học THPT đến trường đạt 72,4/70,2%.

(9) Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 61,13/55%.

(10) Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng đạt 93,59/50%.

(11) Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự hỗ trợ của nhân viên y tế đạt 69,0/67%.

(12) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được thăm khám định kỳ (ít nhất 4 lần trong thai kỳ) đạt 77,9/60%.

(13) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt 24,56/<24,7%.

(14) Tỷ lệ trạm y tế xã vùng DTTS và miền núi đủ điều kiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế đạt 100/100%.

*(Chi tiết tại Phụ lục 09 kèm theo)*

Một số chỉ tiêu khó đạt được so với kế hoạch tỉnh giao, như: Số xã, thôn bản thoát khỏi đặc biệt khó khăn *(45 xã, 478 thôn, bản ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn),* mức thu nhập bình quân đầu người do Điện Biên là tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo cao *(tỷ lệ hộ nghèo là người dân tộc thiểu số chiếm trên 99%)*, đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; do chưa đủ nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng (tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông 100%; tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố 90%; tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố 100%;…).

**2. Về công tác lập kế hoạch, phân bổ, sử dụng nguồn vốn và huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình**

- Công tác huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình: Toàn tỉnh đã huy động các nguồn lực được **3.473.882 triệu đồng** để thực hiện chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn. *(Chi tiết theo Phụ lục 10 đính kèm).*

- Kết quả phân bổ, giao vốn; giá trị giải ngân vốn; Tỷ lệ vốn được giải ngân:

+ Kết quả phân bổ, giao vốn: giai đoạn 2021- 2024, tổng nguồn vốn được phân bổ 3.341.147 triệu đồng, trong đó nguồn NSTW đã phân bổ là 3.161.879 triệu đồng (vốn ĐTPT: 1.840.285 triệu đồng, vốn SN: 1.321.594 triệu đồng); vốn NSĐP đã phân bổ là 179.268 triệu đồng (vốn ĐTPT: 109.000 triệu đồng, vốn SN: 70.268 triệu đồng).

+ Kết quả giải ngân: Tổng nguồn vốn giải ngân tính đến 30/6/2024 là 2.011.510 triệu đồng, đạt 60,2% so với tổng vốn được phân bổ (trong đó vốn NSTW là 1.732.995 triệu đồng, vốn NSĐP là 430.346 triệu đồng, vốn kéo dài NSTW là 149.431triệu đồng). Cụ thể:

Năm 2022 giải ngân được 277.793 triệu đồng, đạt 36,98%, trong đó: vốn NSTW 245.139 triệu đồng (gồm vốn ĐTPT: 199.398 triệu đồng; vốn SN: 45.741 triệu đồng); vốn NSĐP 32.654 triệu đồng (gồm vốn ĐTPT: 30.000 triệu đồng; vốn SN: 2.654 triệu đồng).

Năm 2023 giải ngân được 1.162.029 triệu đồng, đạt 87,5%, trong đó: vốn NSTW 1.113.617 triệu đồng (gồm vốn ĐTPT: 783.795 triệu đồng; vốn SN: 329.822 triệu đồng); vốn NSĐP 48.412 triệu đồng (gồm vốn ĐTPT: 18.559 triệu đồng; vốn SN: 29.854 triệu đồng).

Năm 2024, đến 30/6/2024 giải ngân được 412.256 triệu đồng, đạt 32,2%, trong đó: vốn NSTW 374.240 triệu đồng (gồm vốn ĐTPT: 281.397 triệu đồng; vốn SN: 92.843 triệu đồng); vốn NSĐP 38.017 triệu đồng (gồm vốn ĐTPT: 36.724 triệu đồng; vốn SN: 1.293 triệu đồng).

*(Chi tiết theo Phụ lục 3 đính kèm)*

Giải ngân vốn kéo dài tính đến 30/6/2024 là **149.431** triệu đồng, (trong đó, vốn ĐTPT là 109.708 triệu đồng, đạt 43,2%; vốn SN là 39.723 triệu đồng, đạt 11,7%). (*Chi tiết theo Phụ lục 4 đính kèm*).

**3. Kết quả thực hiện các dự án thành phần của Chương trình**

***3.1. Dự án 1:*** *Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt*

Kế hoạch vốn NSTW giao là 206.933 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 là 97.440 triệu đồng, đạt 47,09% kế hoạch vốn giao. Thực hiện hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề cho 217 hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 12.296 hộ; đầu tư 46 công trình nước sinh hoạt tập trung (đã hoàn thành 23 công trình phục vụ nước sinh hoạt cho 2.690 hộ).

***3.2. Dự án 2:*** *Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết*

Kế hoạch vốn NSTW giao là 127.294 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 là 46.882 triệu đồng, đạt 36,83% kế hoạch vốn giao. Triển khai thực hiện 07 dự án bố trí sắp xếp ổn định dân cư cho 466 hộ gia đình.

***3.3. Dự án 3:*** *Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiền năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị*

Kế hoạch vốn NSTW giao là 528.731 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 là 204.284 triệu đồng, đạt 38,64% kế hoạch vốn giao, trong đó:

*a) Tiểu dự án 1:* Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

Kế hoạch vốn NSTW giao là 35.249 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 là 8.079 triệu đồng, đạt 22,92% kế hoạch vốn giao. Hàng năm thực hiện hỗ trợ bảo vệ rừng 5.374 ha, hỗ trợ trồng rừng phòng hộ 66ha, hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ 25ha, bằng cây lâm sản ngoài gỗ 958ha (trồng quế, sa nhân).

*b) Tiểu dự án 2:* Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Kế hoạch vốn NSTW giao là 493.482 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 là 196.205 triệu đồng, đạt 39,76% kế hoạch vốn giao. Thực hiện 98 dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị với 6.603 người tham gia; 514 dự án phát triển sản xuất cộng đồng với 3.979 người tham gia.

*c) Tiểu dự án 3:* Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Không thực hiện.

***3.4. Dự án 4:*** *Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

Kế hoạch vốn NSTW giao là 1.140.268 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 được 745.030 triệu đồng, đạt 65,34% kế hoạch vốn giao. Thực hiện đầu tư 348 công trình (169 công trình đường, 19 công trình điện, 80 công trình nhà văn hóa, 2 công trình trạm y tế, 10 công trình trường học, 43 công trình thủy lợi, 7 công trình cầu, 8 công trình nước sinh hoạt, 5 công trình chợ, 2 công trình kè, 2 công trình san nền và đầu tư cơ sở hạ tầng, 1 công trình hạ tầng thông tin); duy tu, sửa chữa 67 công trình.

***3.5. Dự án 5:*** *Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*

Kế hoạch vốn NSTW giao là 681.694 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 là 469.836 triệu đồng, đạt 68,92% kế hoạch vốn giao, trong đó:

*a) Tiểu dự án 1:* Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xoá mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Kế hoạch vốn NSTW giao là 482.684 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 được 393.886 triệu đồng, đạt 81,60% kế hoạch vốn giao. Thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho 58 trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú; tổ chức 218 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên trường trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có học sinh bán trú; tổ chức 122 lớp học xóa mù chữ cho 2.792 lượt người.

*b) Tiểu dự án 2:* Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Kế hoạch vốn NSTW giao là 24.203 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 được 9.653 triệu đồng, đạt 39,88% kế hoạch vốn giao. Đã thực hiện bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho 2.401 người; bồi dưỡng tiếng dân tộc cho 1.999 người.

*c) Tiểu dự án 3:* Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Kế hoạch vốn NSTW giao là 130.726 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 được 44.575 triệu đồng, đạt 34,10% kế hoạch vốn giao. Đã thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho 4.997 người; hỗ trợ đào tạo nghề, học ngoại ngữ để đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài cho 73 người; tư vấn giới thiệu việc làm cho 3.779 lượt người lao động dân tộc thiểu số; tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề định hướng nghề nghiệp cho 4.648 lượt người ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

*d) Tiểu dự án 4:* Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

Kế hoạch vốn NSTW giao là 44.081 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 được 21.722 triệu đồng, đạt 49,28% kế hoạch vốn giao. Đã thực hiện mở 80 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho trên 4.166 học viên cán bộ triển khai Chương trình cấp huyện, cấp xã và 78 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho trên 3.918 học viên là cộng đồng; tổ chức 03 chuyến đi học tập, trao đổi kinh nghiệm thực hiện Chương trình với 183 người tham gia.

***3.6. Dự án 6:*** *Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch*

Kế hoạch vốn NSTW giao là 44.074 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 là 22.013 triệu đồng, đạt 49,95% kế hoạch vốn giao. Đã đầu tư xây dựng 03 điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS; tổ chức 06 cuộc khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS; hỗ trợ 04 nghệ nhân người DTTS; tổ chức 50 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; thực hiện 02 chương trình nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một; hỗ trợ hoạt động 167 đội văn nghệ truyền thống; thực hiện 02 chương trình tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS; xây dựng nội dung, xuất bản 07 sản phẩm sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào DTTS; tổ chức 04 cuộc thi đấu thể thao truyền thống cấp huyện; hỗ trợ đầu tư bảo tồn 03 làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu; hỗ trợ xây dựng 52 tủ sách cộng đồng; hỗ trợ trang thiết bị 204 thiết chế văn hóa, thể thao thôn vùng đồng bào DTTS.

***3.7. Dự án 7:*** *Chăm sóc sức khoẻ Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em*

Kế hoạch vốn NSTW giao là 64.825 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 là 48.824 triệu đồng, đạt 75,32% kế hoạch vốn giao. Thực hiện đầu tư xây dựng nâng cấp 02 công trình Trung tâm y tế và thực hiện các hoạt động hỗ trợ tiêm chủng ngoại trạm tại các xã đặc biệt khó khăn; chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em; nâng cao năng lực về kiến thức, kỹ năng làm mẹ an toàn, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em cho cán bộ y tế để thực hiện các gói dịch vụ can thiệp nhằm giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh; tuyên truyền vận động thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em.

***3.8. Dự án 8:*** *Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em*

Kế hoạch vốn NSTW giao là 63.665 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 là 18.783 triệu đồng, đạt 29,50% kế hoạch vốn giao. Thành lập và vận hành 348 Tổ truyền thông cộng đồng; thành lập mới, củng cố, nâng cao chất lượng trên cơ sở mô hình hiện có 47 địa chỉ tin cậy; tổ chức 115 cuộc đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản; thành lập, duy trì 81 câu lạc bộ thủ lĩnh của sự thay đổi; thực hiện nâng cao năng lực cho 80 nữ cán bộ DTTS tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị; tổ chức 29 đợt tập huấn hướng dẫn giám sát, đánh giá về bình đẳng giới cho cán bộ xã, thôn; tổ chức 18 đợt tập huấn lồng ghép giới (chương trình 2) cho cán bộ huyện, xã; tổ chức 44 đợt tập huấn lồng ghép giới (chương trình 3) cho cán bộ thôn bản.

***3.9. Dự án 9:*** *Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn*

Kế hoạch vốn NSTW giao là 227.437 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 được 59.622 triệu đồng, đạt 26,21% kế hoạch vốn giao, trong đó:

*a) Tiểu dự án 1:* Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

Kế hoạch vốn NSTW giao là 211.615 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 được 59.622 triệu đồng, đạt 26,21% kế hoạch vốn giao. Thực hiện đầu tư xây dựng 05 công trình (03 công trình nhà văn hóa, 01 công trình đường giao thông, 01 công trình điện sinh hoạt); duy tu, sửa chữa 07 công trình trên địa bàn các bản có người dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sinh sống tập trung; tổ chức 14 lớp tập huấn kiến thức sản xuất với 430 lượt người tham gia; tổ chức 03 đoàn đi học tập, trao đổi kinh nghiệm (01 đoàn đi ngoài tỉnh, 02 đoàn đi các huyện trong tỉnh); hỗ trợ bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, hỗ trợ bảo vệ và phát triển các DTTS có khó khăn đặc thù trên địa bàn 03 huyện (Điện Biên, Nậm Pồ, Mường Nhé).

*b) Tiểu dự án 2:* Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Kế hoạch vốn NSTW giao là 15.822 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 được 6.631 triệu đồng, đạt 41,91% kế hoạch vốn giao. Đã tuyên truyền, vận động ngăn ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cho 39.700 lượt người; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực về chuyên môn nghiệp vụ cho 2.200 đối tượng tham gia tuyên truyền; cấp phát 820 cuốn tài liệu phổ biến pháp luật cho cán bộ, giáo viên, báo cáo viên pháp luật; tổ chức tọa đàm, giao lưu, tư vấn, nói chuyện chuyên đề Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cho hơn 5.121 học sinh các trường THCS, THPT Dân tộc nội trú huyện; dựng 85 pano, 165 băng zôn tuyên truyền về tảo hôn tại trung tâm các xã, thị trấn; xây dựng và phát hành 67.160 tờ rơi tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

***3.10. Dự án 10:*** *Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình*

Kế hoạch vốn NSTW giao là 76.959 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 được 19.299 triệu đồng, đạt 25,08% kế hoạch vốn giao, trong đó:

*a) Tiểu dự án 1:* Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

Kế hoạch vốn NSTW giao là 29.064 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 được 15.618 triệu đồng, đạt 53,74% kế hoạch vốn giao. Đã tổ chức 7 hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; 52 đợt tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số; 30 lớp tập huấn nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý; xây dựng 07 phóng sự, biên soạn và phát hành nhiều tài liệu, tờ rơi, băng zôn, áp phích, bản tin truyền thông tại cộng đồng.

*b) Tiểu dự án 2:* Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Kế hoạch vốn NSTW giao là 38.306 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 được 595 triệu đồng, đạt 1,55% kế hoạch vốn giao. Đã tổ chức 01 lớp tập huấn nâng cao kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử cho thành viên hợp tác xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hỗ trợ 37 hộ sản xuất nông nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã đưa các sản phẩm giao dịch lên sàn giao dịch thương mại điện tử; hỗ trợ thiết lập điểm truy cập thông tin tại 23 xã.

*c) Tiểu dự án 3:* Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

Kế hoạch vốn NSTW giao giao là 9.589 triệu đồng; giải ngân đến 30/6/2024 được 3.086 triệu đồng, đạt 32,19% kế hoạch vốn giao. Ban Chỉ đạo cấp huyện đã tổ chức 48 cuộc kiểm tra, giám sát tại 140 đơn vị cấp xã, các phòng, ban chuyên môn; các sở, ngành tỉnh đã tổ chức 27 cuộc kiểm tra giám sát tại 29 đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện.

**PHẦN III**

**ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Đánh giá khái quát chung**

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Uỷ ban Nhân dân, các ngành, địa phương; sự tham gia, ủng hộ tích cực của Nhân dân, việc thực hiện các Chương trình Mục tiêu Quốc gia đã kế thừa và phát huy giá trị, thành tựu xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo và các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số của giai đoạn trước; đến nay công tác tổ chức, triển khai thực hiện các Chương trình đã đạt được một số kết quả nhất định.

Quá trình triển khai thực hiện các Chương trình đã được UBND tỉnh bám sát sự chỉ đạo của Chính phủ, văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; các mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phạm vi, nguyên tắc trong các Nghị quyết của HĐND tỉnh. Hoàn thành sớm việc thành lập Ban Chỉ đạo, Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG đã tạo sự đồng thuận cao, phối hợp tốt giữa các ngành, các địa phương trong tổ chức thực hiện; công tác kiểm tra, giám sát liên ngành và từng chương trình được tăng cường.

Công tác lập kế hoạch và phân bổ vốn thực hiện các Chương trình được triển khai thực hiện kịp thời, đẩy mạnh phân cấp nguồn vốn thực hiện 3 Chương trình cho các huyện, thị xã, thành phố, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, bố trí vốn đúng mục tiêu, đối tượng, phạm vi của từng Chương trình và các quy định của pháp luật.

Tính đến 30/6/2024, toàn tỉnh đã huy động các nguồn lực, lồng ghép các chính sách, các nguồn vốn được 13.267.262 triệu đồng để thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn, đạt 109% kế hoạch. Trong đó, tổng số vốn trực tiếp của các chương trình là 6.110.544 triệu đồng (gồm: vốn NSTW là 5.816.028 triệu đồng (ĐTPT là 3.733.641 triệu đồng, SN là 2.082.387 triệu đồng); vốn NSĐP là 294.516 triệu đồng (ĐTPT là 186.470 triệu đồng, SN là 108.046 triệu đồng); đã thực hiện giải ngân tổng số vốn là 3.867.202 triệu đồng (bao gồm cả số vốn được phép kéo dài) để thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn, đạt 63,3% so với kế hoạch vốn giao (trong đó: vốn đầu tư là 2.962.647 triệu đồng, đạt 75,6% so với kế hoạch vốn; vốn sự nghiệp là 904.556 triệu đồng, đạt 41,3% kế hoạch vốn). Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương đảm bảo theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Việc huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp, người dân và cộng đồng; việc lồng ghép các chính sách, nguồn vốn để thực hiện các Chương trình trên địa bàn cũng được nghiên túc triển khai thực hiện.

Các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của các Chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai thực hiện đã góp phần vào việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi tại tỉnh, trên địa bàn toàn tỉnh có 807 công trình được làm mới, nâng cấp, sửa chữa (trong đó: 321 công trình giao thông, 47 công trình điện, 109 công trình thủy lợi, 27 công trình nước sinh hoạt, 140 công trình văn hóa, 07 công trình y tế, 139 công trình giáo dục, 15 chợ, 02 công trình hạ tầng kỹ thuật) được đầu tư, hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng. Công tác thông tin tuyên truyền tiếp tục được triển khai sâu rộng, thu hút sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng người dân nông thôn. Tính đến 30/6/2024, toàn tỉnh đã công nhận được 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 51 xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới; 179 thôn, bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới kiểu mẫu. Một số mô hình ứng dụng khoa học - công nghệ dần được hình thành; công tác phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống tiếp tục được quan tâm, đầu tư; tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn giảm còn 32,91%; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn toàn tỉnh tăng lên, đến tháng 6/2024 ước đạt 19,52 triệu đồng/người/năm. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội cơ bản được đảm bảo; chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng lên, cơ sở vật chất trường lớp được quan tâm đầu tư; nhiều thiết chế văn hóa được đầu tư; chăm sóc y tế, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Những kết quả đó đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và giữ vững trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

**2. Những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện 3 chương trình MTQG**

- Hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình của các Bộ, ngành trung ương ban hành nhiều, có nội dung chưa thống nhất, chưa rõ ràng dẫn đến khó khăn cho việc nghiên cứu áp dụng thực hiện[[12]](#footnote-12); việc Trung ương chậm ban hành[[13]](#footnote-13) văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, giải quyết trả lời các kiến nghị của Tỉnh làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung của các Chương trình tại địa phương.

- Có nhiều nội dung, đối tượng, địa bàn hỗ trợ bị trùng lặp giữa các dự án thành phần của từng Chương trình MTQG, như: Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN có 1 số nội dung hỗ trợ của dự án 3 và dự án 8 đều có đối tượng hỗ trợ là hộ gia đình có phụ nữ tham gia dự án; hoặc giữa các Chương trình MTQG với nhau như Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững có cùng địa bàn, đối tượng thụ hưởng ngoài khu vực thị trấn thuộc huyện.

- Một số nội dung, tiểu dự án phân bổ vốn chưa phù hợp với nhu cầu của địa phương, nguồn vốn phân bổ nhiều nhưng đối tượng có nhu cầu rất ít nên khó triển khai thực hiện. Tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của các Chương trình còn chậm, tỷ lệ giải ngân vốn đạt thấp.

- Việc bố trí nguồn ngân sách địa phương đối ứng và huy động các nguồn vốn khác tại địa phương là rất khó khăn. Việc huy động đóng góp của Nhân dân thuộc hộ nghèo, sinh sống ở vùng nông thôn, vùng đặc biệt khó khăn còn nhiều hạn chế.

- Một số xã và cộng đồng dân cư chưa chủ động nghiên cứu, đề xuất, lựa chọn các dự án, mô hình đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhu cầu và phù hợp với địa phương.

***\* Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới***

- Các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 là những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hơn, cần hỗ trợ đầu tư nhiều hơn nhưng phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện CTMTQG xây dựng NTM thấp hơn nhiều so với giai đoạn 2016-2020, trong khi nguồn lực địa phương hạn chế.

- Các Bộ tiêu chí giai đoạn này tăng thêm nhiều chỉ tiêu và mức độ đạt chuẩn của các tiêu chí đều tăng cao làm cho nhiều xã đều bị tụt tiêu chí, một số xã không bảo đảm duy trì các chỉ tiêu, tiêu chí; một số tiêu chí mới, có tiêu chí chưa phù hợp, yêu cầu cao so thực tiễn của địa phương miền núi và còn nhiều khó khăn như tỉnh Điện Biên [[14]](#footnote-14).

***\* Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững***

- Tiểu dự 2 thuộc Dự án 3 kinh phí cấp còn hạn chế nên chưa có đủ các can thiệp bổ sung vi chất dinh dưỡng cho nhóm trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi bị suy dinh dưỡng.

- Tiểu dự án 1 Dự án 4: Tại Quyết định số 90/QĐ-TTg có nội dung hỗ trợ "cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo" trên địa bàn tỉnh Điện Biên hiện nay có 12 cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp gồm 3 trường Cao đẳng và 09 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 5 Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều 44 Luật Giáo dục, mô hình Trung tâm GDNN-GDTX là cơ sở giáo dục mà không phải là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nên các đơn vị này không thuộc đối tượng được đầu tư hỗ trợ sửa chữa, mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện đào tạo từ nguồn vốn của Chương trình.

- Tiểu dự án 1 Dự án 6: Tại khoản 4, Điều 76 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định: “Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương đối với thiết lập mới Đài truyền thanh xã tối đa 300 triệu đồng/xã/huyện đảo. Mức hỗ trợ nâng cấp, chuyển đổi công nghệ tối đa bằng 70% mức hỗ trợ thiết lập mới.” Đối với những xã có chi phí đầu tư cao, mức hỗ trợ cho 01 xã như trên sẽ không đủ kinh phí để thực hiện đầu tư cho tất cả số thôn, bản có nhu cầu thiết lập mới hoặc mở rộng. Dẫn đến sẽ không đạt mục tiêu của Tiểu dự án 1, Dự án 6 Chương trình được phê duyệt tại Quyết định số 90/2021/QĐ-TTg.

***\* Chương trình MTQG PT KTXH vùng đồng bào DTTS và MN***

- Dự án 1: Việc rà soát các hộ thụ hưởng chính sách hỗ trợ đất sản xuất còn gặp khó khăn, do nhiều hộ gia đình không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc cho, tặng không có văn bản làm căn cứ pháp lý. Mặt khác qua rà soát, số lượng đối tượng thụ hưởng rất ít, vì vậy rất khó giải ngân nguồn vốn của nội dung này. Mức hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số thấp hơn 6 triệu đồng (*5 triệu ngân sách trung ương, 01 triệu ngân sách địa phương*) so với mức hỗ trợ làm nhà thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 nên cũng gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Dự án 2: Thủ tục đầu tư các dự án thực hiện qua nhiều bước phải lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư trước khi phê duyệt thiết kế; công tác lập phê duyệt phương án đền bù giải phóng mặt bằng các dự án gặp nhiều khó khăn, một số dự án vướng rừng tự nhiên[[15]](#footnote-15) phải thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng nên thường mất nhiều thời gian để thực hiện, ảnh hướng đến tiến độ thực hiện và giải ngân vốn.

- Tiểu dự án 2 Dự án 3: Việc cung ứng, sử dụng nguồn giống tại địa phương phải đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý giống vật nuôi và sản phẩm giống vật nuôi theo Luật Chăn nuôi. Trên địa bàn tỉnh Điện Biên không có cơ sở, đơn vị cung ứng giống gia súc ăn cỏ (trâu, bò, dê) đủ tiêu chuẩn theo quy định gây rất nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Dự án 4: Định mức quy định "Ngân sách trung ương hỗ trợ bình quân 1.600 triệu đồng/km để đầu tư cứng hoá đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa" tại khoản 5 Điều 3 Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 là thấp và không phù hợp với điều kiện, tình hình triển khai đầu tư thực tế tại địa phương.

- Tiểu dự án 3 Dự án 5: Do hình thức hỗ trợ từ nguồn vốn của Chương trình là hỗ trợ trực tiếp cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, với mức hỗ trợ thấp (khoảng 10-15 triệu đồng/lao động), với điều kiện là lao động được công ty tuyển dụng phải cung cấp đủ hồ sơ, giấy tờ, hóa đơn hợp lệ; mặt khác, nhu cầu xuất khẩu lao động trên địa bàn tỉnh không cao (đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh chỉ có 121 người đi xuất khẩu lao động), hiện đang có xu hướng chuyển sang lao động ngoại tỉnh. Vì vậy nguồn vốn của nội dung này khó thực hiện được.

- Dự án 8: Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chưa ban hành Hướng dẫn thay thế Hướng dẫn số 04/HD-ĐCT ngày 28/7/2022; một số chỉ tiêu phân bổ từ Trung ương Hội lớn hơn so với số lượng thực tế của địa phương (tổ, nhóm sinh kế, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ đủ điều kiện để triển khai mô hình ứng dụng công nghệ 4.0 trong sản xuất và kết nối thị trường; tập huấn lồng ghép giới cho cán bộ huyện, xã).

- Tiểu dự án 1 Dự án 9: Số lượng đối tượng thụ hưởng của Tiểu dự án rất ít so với tổng kinh phí được giao nên không thực hiện hết được nguồn vốn giao; Ủy ban Dân tộc chưa ban hành hướng dẫn xây dựng đề án thành phần, nội dung thực hiện mô hình nâng cao chất lượng dân số đối với thôn có đông đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người.

- Tiểu dự án 2 Dự án 10: Căn cứ Quyết định số 330/QĐ-UBDT ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt “Đề án Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025”; Quyết định số 541/QĐ-UBDT ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung của Quyết định số 330/QĐ-UBDT. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 5950/KH-UBND ngày 14/12/2023 để triển khai thực hiện trên địa bàn, tuy nhiên, đến nay Ủy ban Dân tộc chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng nguồn kinh phí để triển khai thực hiện Đề án (chưa rõ sử dụng kinh phí sự nghiệp hay đầu tư); xây dựng cổng thông tin thành phần Chương trình; bộ cơ sở dữ liệu, hệ thống phần mềm thông tin báo cáo phục vụ kiểm tra giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, do vậy địa phương chưa có cơ sở để phân bổ nguồn lực triển khai thực hiện Đề án.

**3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

***3.1. Tồn tại, hạn chế***

- Ban chỉ đạo chương trình và một số cán bộ quản lý ở cấp huyện, cấp xã, Ban phát triển thôn/bản chưa nêu cao hết vai trò trách nhiệm, chưa nắm vững quy định của Trung ương, của tỉnh, còn lúng túng trong tổ chức triển khai thực hiện. Cá biệt có cơ sở xã đã được giao vốn thực hiện một số dự án, tiểu dự án, nhưng không dám triển khai thực hiện sợ sai, sợ trách nhiệm.

- Một số địa phương chưa thống nhất trong áp dụng các chính sách; có hiện tượng chính sách đã được tỉnh cụ thể hóa nhưng vẫn chờ hướng dẫn, chờ địa phương khác thực hiện rồi mới làm theo, khó khăn là dừng lại, thiếu quyết tâm.

- Tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của các Chương trình MTQG còn chậm, giải ngân vốn chưa cao, nhất là các dự án sử dụng nguồn vốn sự nghiệp tỉ lệ giải ngân đạt thấp. Nguồn vốn kéo dài từ năm 2022 sang năm 2023, năm 2023 sang năm 2024 còn lớn, tỉ lệ giải ngân nguồn vốn này rất chậm. Một số dự án, tiểu dự án được phân bổ nguồn kinh phí lớn vượt quá nhu cầu thực tế; một số tiểu dự án nguồn kinh phí được cấp từ 02 Chương trình mục tiêu quốc gia[[16]](#footnote-16).

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới mô hình sản xuất trong nông nghiệp còn chậm; việc xây dựng các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, chăn nuôi còn vướng mắc về hướng dẫn việc mua sắm cây trồng, vật nuôi và những hàng hoá dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất; ngoài ra, các cơ sở cung cấp con giống trên địa bàn không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Luật chăn nuôi. Một số mô hình, dự án phát triển kinh tế chưa rõ nét, chưa đánh giá được hiệu quả để nhân rộng. Năng lực hoạt động của hợp tác xã còn một số hạn chế nhất định, chưa mạnh dạn mở rộng phát triển và thực hiện liên kết chuỗi giá trị[[17]](#footnote-17).

*\* Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới*

- Tỉnh chưa có đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành xây dựng nông thôn mới; có 03 huyện trắng xã đạt chuẩn nông thôn mới[[18]](#footnote-18); còn 11 xã đạt dưới 10 tiêu chí... Số thôn, bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới kiểu mẫu thấp (có 179 thôn, bản đạt 27,54% so với mục tiêu đến năm 2025).

- Mức độ đáp ứng của một số tiêu chí, chỉ tiêu, nội dung thấp và cải thiện hằng năm chậm: Chỉ có đạt 20% xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến tháng 6/2024 ước đạt 19,52 triệu đồng/người/năm (tăng 3,096 triệu đồng so với năm 2020); có 20,86% số xã đạt tiêu chí số 11 về hộ nghèo đa chiều; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đạt chỉ đạt 23%; số lượng sản phẩm OCOP ít, chỉ có 05 sản phẩm đạt tiêu chuẩn 4 sao, chưa có sản phẩm đạt tiêu chuẩn 5 sao, khả năng cung ứng hàng hoá lớn thấp; một số nội dung trong quy hoạch chung xã nông thôn mới, quy hoạch xây dựng vùng huyện trong đó có quy hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn có nhiều điểm không còn phù hợp nhưng chậm được rà soát, điều chỉnh[[19]](#footnote-19)...

- Hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn đã được quan tâm đầu tư, song chưa đồng bộ. Công tác quản lý, khai khác, duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt nông thôn ở nhiều nơi còn chưa hiệu quả. Năng lực thích ứng, đối phó với thiên tai còn nhiều hạn chế.

- Tình trạng ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng đến sức khoẻ, môi trường sống của cộng đồng còn xảy ra đa số ở môi trường nông thôn mới. Đào tạo nghề chưa gắn với giải quyết việc làm và nhu cầu thị trường, chất lượng lao động qua đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu. Đời sống văn hóa của nhân dân, nhất là nhân dân vùng sâu, vùng xa còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, vận động trong xây dựng NTM ở một số nơi đôi lúc chưa thường xuyên, liên tục.

*\* Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững*

- Việc triển khai Dự án 5 về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhiều địa phương không thực hiện được phần kinh phí hỗ trợ bằng nguồn ngân sách địa phương (huyện Mường Nhé, Nậm Pồ, Tủa Chùa, Điện Biên Đông (2023)) hoặc vốn xã hội hóa. Việc triển khai tiểu dự án 2 của dự án 4 hỗ trợ người đi lao động nước ngoài kết quả giải ngân chỉ đạt 0,62% kế hoạch vốn.

- Chất lượng bồi dưỡng, tập huấn kiến thức cho cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở còn nhiều hạn chế, dẫn đến một số cán bộ ở cơ sở chưa nắm chắc các kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo.

*\* Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN*

- Một số nội dung thuộc Dự án 1 không thực hiện theo kế hoạch (hỗ trợ đất ở, đất sản xuất); tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn được giao còn thấp, đặc biệt là nguồn vốn sự nghiệp tỷ lệ giải ngân rất thấp.

- Đời sống nhân dân vùng dân tộc thiểu số nhìn chung đã từng bước được nâng lên; tuy nhiên đời sống của nhiều hộ dân ở các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vẫn còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn.

***3.2.******Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế***

*\* Nguyên nhân* *khách quan*

+ Là tỉnh có điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều giữa các vùng; tỷ lệ hộ nghèo cao; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, các dịch vụ, điều kiện sản xuất đáp ứng thấp so với yêu cầu. Thiên tai, dịch bệnh, diễn biến phức tạp... gây ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của người dân.

+ Số lượng văn bản quy định, hướng dẫn liên quan đến việc tổ chức thực hiện quá nhiều; có nhiều nội dung mới được sửa đổi, điều chỉnh nên chưa thống nhất, khó khăn cho việc áp dụng thực hiện; việc phân bổ chi tiết nguồn kinh phí đối với từng nội dung, nhiệm vụ chi đã hạn chế tính chủ động, hạn chế việc thực hiện phân cấp, phân quyền và gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện[[20]](#footnote-20).

+ Các cơ sở cung cấp con giống, vật nuôi trên địa bàn chưa đáp ứng được các quy định của Luật Chăn nuôi do đó khó khăn trong việc cung ứng giống.

*- Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới*

Việc đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn lợi nhuận thấp, rủi ro cao nên ít thu hút được doanh nghiệp, tổ chức. Đa phần người nông dân thiếu vốn đầu tư, trình độ canh tác còn hạn chế; việc tiếp cận, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế; thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản khó khăn, bấp bênh.

*- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững*

Các hộ nghèo, cận nghèo phần lớn là hộ đồng bào dân tộc thiểu số; địa bàn sinh sống rải rác tại các xã đặc biệt khó khăn và xã khó khăn; cơ sở hạ tầng thiết yếu còn thiếu và chưa đồng bộ; do một số nội dung hỗ trợ trùng đối tượng với chương trình phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và do ảnh hưởng đặc thù truyền thống văn hóa của đồng bào dân tộc.

*-* *Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN*

Việc triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng các công trình, dự án cơ sở hạ tầng liên quan đến nhiều lĩnh vực, cần thực hiện nhiều quy trình, thủ tục liên quan đến các Luật: Xây dựng, Đấu thầu, Đất đai, Môi trường, Lâm nghiệp; đặc biệt là có dự án liên quan đến chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên theo quy định thuộc thẩm quyền cho phép của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (trước khi Nghị định 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực) nên thường mất nhiều thời gian để thực hiện, ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thực hiện và giải ngân vốn.

*\* Nguyên nhân chủ quan*

+ Thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng, triển khai thực hiện một số dự án còn chậm; bên cạnh đó năng lực, trách nhiệm quản lý điều hành của một số chủ đầu tư hạn chế nên tỷ lệ giải ngân thấp so với kế hoạch vốn giao nên nhiều dự án đã được bố trí vốn phải điều chuyển sang năm sau.

+ Công tác nghiên cứu các quy định và hướng dẫn để kịp thời tổ chức triển khai thực hiện và tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành văn bản cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao của một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn hạn chế. Một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa chủ động, thiếu sâu sát, thiếu quyết liệt, sáng tạo trong tổ chức thực hiện.

+ Lực lượng cán bộ, công chức trực tiếp triển khai thực hiện chưa đáp ứng về số lượng và năng lực, kinh nghiệm, nhất là ở cấp cơ sở; chất lượng, tiến độ tham mưu còn chậm, chưa chủ động quyết liệt, mạnh dạn, sáng tạo, linh hoạt, dám làm, dám chịu trách nhiệm; chưa kịp thời báo cáo, đề xuất, tham mưu cho cấp có thẩm quyền xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

+ Sự phối hợp giữa các Sở, ban, ngành với UBND cấp huyện ở một số hoạt động chưa thực sự chặt chẽ, thường xuyên.

*- Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới*

+ Một số địa phương có xu hướng chững lại các hoạt động khi có xã đạt chuẩn nông thôn mới; các xã thuộc khu vực II, III khi đạt chuẩn NTM thì người dân sẽ không còn được hưởng các chế độ an sinh xã hội, do đó, một số xã khu vực III, khu vực II có biểu hiện không muốn phấn đấu đạt chuẩn NTM.

+ Việc xây dựng kế hoạch hàng năm của một số huyện còn mang tính hình thức, chưa trọng tâm, chưa xác định rõ nội dung công việc đối với các xã đạt chuẩn NTM và các xã còn lại.

*- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững*

+ Các bộ, ngành Trung ương chưa ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025[[21]](#footnote-21). Một số nội dung phải chờ các bộ, ngành quy định sửa đổi, bổ sung[[22]](#footnote-22).

+ Một số sở, ban, ngành được phân công giúp các xã đặc biệt khó khăn triển khai thực hiện mục tiêu hỗ trợ, giúp đỡ cơ sở phát triển kinh tế xã hội, giảm nghèo bền vững có mặt còn hạn chế.

+ Một số cấp ủy, chính quyền xã xác định các mục tiêu, giải pháp thực hiện công tác giảm nghèo còn chung chung, chưa cụ thể; còn lúng túng khi triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; nhiều địa phương còn thiếu đất canh tác nông nghiệp.

+ Đối với hộ nghèo: Một bộ phận không nhỏ người nghèo còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, nên chưa quyết tâm vươn lên thoát nghèo.

*-* *Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN*

Công tác rà soát nhu cầu lập kế hoạch thực hiện Chương trình chưa sát với thực tế, dẫn đến phân bổ thừa vốn cho một số dự án có ít đối tượng thụ hưởng.

**4. Trách nhiệm** **của các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức, triển khai thực hiện các Chương trình MTQG**

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có một phần trách nhiệm của UBND tỉnh trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách; trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan thường trực (Sở Kết hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh), các cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án thuộc các Chương trình MTQG; trách nhiệm phối hợp triển khai, thực hiện của các cơ quan, đơn vị liên quan; trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện của UBND cấp huyện, cấp xã.

HĐND, các Ban HĐND cấp huyện, xã chưa thường xuyên, kịp thời giám sát đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình MTQG của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn quản lý.

**PHẦN IV**

**ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**1. Đối với các bộ, ngành, cơ quan liên quan ở Trung ương**

***1.1. Đề nghị Uỷ ban Dân tộc***

- Xem xét, tổng hợp điều chỉnh bổ sung đối tượng hỗ trợ là: "Các hộ mới thoát nghèo; hộ đang sinh sống ổn định tại xã, thôn (bản) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” vào Tiểu dự án 2, Dự án 3 Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN.

- Sớm ban hành hướng dẫn cụ thể việc sử dụng nguồn kinh phí xây dựng cổng thông tin thành phần Chương trình; Bộ cơ sở dữ liệu, hệ thống phần mềm thông tin báo cáo phục vụ kiểm tra giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình để triển khai thực hiện Đề án “Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

***2.2. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn***

- Sớm hướng dẫn cụ thể, chi tiết để các địa phương có thể áp dụng, triển khai theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính "Đối với mua sắm cây trồng, vật nuôi và những hàng hoá dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất".

- Rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền: Cho phép kéo dài thời gian 2 - 3 năm tiếp tục áp dụng các chính sách hỗ trợ cho các xã sau khi đạt chuẩn nông thôn mới; sửa đổi, bổ sung các tiêu chí, chỉ tiêu trong Bộ tiêu chí NTM cho phù hợp với tình hình thực tiễn, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng khó khăn; nghiên cứu, đề xuất ban hành Bộ chỉ số, biểu mẫu giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình NTM.

***2.3. Đề nghị Trung ương Hội LHPN Việt Nam***

Sớm ban hành sửa đổi Hướng dẫn 04/HD-ĐCT ngày 28/7/2022 để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các Thông tư hướng dẫn có liên quan của các Bộ, ngành Trung ương. Nghiên cứu, điều chỉnh giảm một số chỉ tiêu đã phân bổ hoặc đã hết chỉ tiêu thực hiện khi địa phương có đề xuất, kiến nghị.

***2.4. Đề nghị Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội***

Xem xét tiếp tục điều chỉnh một số tiêu chí tài sản quy định tại Thông tư số 02/2022/TT- BLĐTBXH, ngày 30/3/2022, để một số tiêu chí tài sản quy định phù hợp với tính chất vùng miền hơn tạo thuận lợi trong việc xác định mức độ chính xác trong công tác rà soát hộ nghèo[[23]](#footnote-23). Sớm hoàn thiện, triển khai hệ thống phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo thống nhất, làm cơ sở cập nhật, khai thác dữ liệu.

***2.5.*** ***Đề nghị Bộ*** ***Tài chính***

Xem xét, điều chỉnh, nâng mức hỗ trợ quy định tại Khoản 4, Điều 76 Thông tư số 55/2023/TT-BTC, ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính để đảm bảo đầu tư, hỗ trợ cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tại các xã có địa bàn rộng.

***2.6.*** ***Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư***

Hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**3. *Đề nghị UBND tỉnh***

- Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động, tích cực triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công; tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn thực hiện cho từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần. Quan tâm chỉ đạo các cơ quan chủ trì mở các lớp tập huấn, hướng dẫn công tác quản lý tài chính các chương trình MTQG cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia thực hiện.

- Có biện pháp quyết liệt thúc đẩy việc giải ngân hoàn thành kế hoạch vốn đã được phân bổ cho các Chương trình MTQG. Làm tốt công tác huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư. Tập trung xóa huyện trắng nông thôn mới và xã đạt dưới 10 tiêu chí NTM; hoàn thành mục tiêu số bản đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới kiểu mẫu theo kế hoạch; chỉ đạo các địa phương hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh, lập mới quy hoạnh chung cấp xã; rà soát, điều chỉnh, lập quy hoạch vùng huyện.

- Quan tâm, chỉ đạo các địa phương xây dựng, phát triển số lượng các sản phẩm OCOP 4 sao gắn thị trường tiêu thụ, tăng khả năng cạnh tranh, cung ứng hàng hóa lớn trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức rà soát, tổng hợp các khu vực có nguy cơ sạt lở [[24]](#footnote-24) để tập trung hỗ trợ thực hiện quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư những nơi cần thiết.

**4. Đối với Hội đồng Nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ban, ngành liên quan của tỉnh**

Nêu cao hơn nữa trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan chủ trì; các cấp, các ngành, các địa phương chủ động, tích cực phối hợp tổ chức, triển khai, thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc các Chương trình MTQG; quan tâm đầu tư nguồn lực cho xây dựng cơ sở hạ tầng và kiên cố hoá trường, lớp học; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình MTQG của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn toàn tỉnh.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề “*Việc triển khai thực hiện các chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trên địa bàn tỉnh Điện Biên*” của Thường trực HĐND tỉnh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*:**  - UBTV Quốc hội;  - Chính phủ (b/c);  - Các Bộ: LĐ,TB&XH; NN&PTNT; KH&ĐT; Uỷ Ban Dân tộc; TW Hội LHPN VN;  - TT Tỉnh ủy, TT HĐND, LĐ UBND tỉnh;  - Ủy ban MTTQ VN tỉnh;  - Các Sở: LĐ,TB&XH; NN&PTNT; KH&ĐT; Ban Dân tộc tỉnh;  - Thành viên Đoàn giám sát TT HĐND tỉnh;  - TT huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;  - VP Đoàn ĐBQH &HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;  - UBND các xã được giám sát trực tiếp;  - Phòng Công tác HĐND;  - Lưu: VT. | **TM. ĐOÀN GIÁM SÁT TT HĐND TỈNH**  **TRƯỞNG ĐOÀN**  **PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH**  **Giàng Thị Hoa** |

1. Các sở, ngành: Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh. [↑](#footnote-ref-1)
2. Quyết định 3387/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021-2025; Quyết định 926/QĐ-BCĐ ngày 20/5/2022 của Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021-2025. [↑](#footnote-ref-2)
3. Tổng cộng có 110 văn bản, gồm: 23 văn bản chỉ đạo, điều hành chung 03 chương trình MTQG (trong đó 01 nghị quyết của Tỉnh uỷ; 10 nghị quyết của HĐND tỉnh, 12 quyết định của UBND tỉnh); 87 văn bản hướng dẫn, chỉ đạo điều hành riêng cho từng chương trình (trong đó chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN 15 văn bản; chương trình MTQG xây dựng NTM 41 văn bản; chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 31 văn bản. [↑](#footnote-ref-3)
4. số 105/NQ-HĐND ngày 08/7/2022; số 133, 134/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; số 146/NQ-HĐND ngày 14/7/2023; số 155/NQ-HĐND ngày 03/11/2023; số 175, 176/NQ-HĐND ngày 08/12/2023. [↑](#footnote-ref-4)
5. số 1240/QĐ-UBND ngày 14/7/2022, số 1443/QĐ-UBND ngày 14/8/2022; số 2242/QĐ-UBND ngày 09/12/2022, số 2259/QĐ-UBND ngày 12/12/2022; số 513/QĐ-UBND ngày 31/3/2023; số 1181/QĐ-UBND ngày 27/7/2023; số 1182 ngày 27/7/2023; số 1843/QĐ-UBND ngày 14/11/2023; số 2035/QĐ-UBND ngày 11/12/2023, số 2041/QĐ-UBND ngày 12/12/2023. [↑](#footnote-ref-5)
6. Huyện Tủa Chùa, huyện Điện Biên, Thành phố Điện Biên Phủ và Thị xã Mường Lay. [↑](#footnote-ref-6)
7. Cao đẳng 204 người, trung cấp 814 người, sơ cấp 5.186 người, đào tạo dưới 3 tháng 2.933 người. [↑](#footnote-ref-7)
8. Năm 2021, tổng số hộ nghèo đa chiều ở khu vực nông thôn là 55.360 hộ, chiếm 44,84% (trong đó, hộ nghèo 35,92% và hộ cận nghèo 8,93%), tính theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025. [↑](#footnote-ref-8)
9. Cán bộ cấp xã: 1.331 người, công chức cấp xã: 1.259 người. [↑](#footnote-ref-9)
10. Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Điện Biên thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. [↑](#footnote-ref-10)
11. (1) Năm 2023: Liên ngành gồm các sở: LĐTBXH, KHĐT, Xây dựng, Y tế, NNPTNT, TTTT thực hiện kiểm tra, giám sát tại 4 huyện: Mường Nhé, Nậm Pồ, Tùa Chùa và Tuần Giáo; Sở LĐTBXH, Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Dự án 2 Đa dạng hoá sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn 4 huyện: Mường Ảng, Mường Chà, Điện Biên Đông và Điện Biên.

    (2) Năm 2024: Liên ngành gồm các sở: LĐTBXH, KHĐT, Xây dựng, Y tế, NNPTNT, TTTT thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tại 2 huyện: Mường Chà và Điện Biên Đông; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức kiểm tra 02 đợt về tình hình triển khai thực hiện công tác giảm nghèo năm 2022, 2023; Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức các đoạt kiểm tra giám sát thực hiện các dự án, tiểu dự án được phân công. [↑](#footnote-ref-11)
12. (1) Chưa có hướng dẫn việc mua sắm cây trồng, vật nuôi và những hàng hoá dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất; (2) Chưa có quy định hướng dẫn việc xác định đối với "người có thu nhập thấp"; (3) Mức hỗ trợ tiền ăn đối với người học nghề ngắn hạn thấp (theo điểm a khoản 2, Điều 5 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ; điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính hiện nay là 30.000 đồng/người/ngày thực học). [↑](#footnote-ref-12)
13. Một số văn bản của các Bộ ban hành về hướng dẫn Chương trình, hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp tận tháng 6-8/2022 mới ban hành, nên địa phương chậm trong việc triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương.

    Ngày 28/5/2022, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển cho các địa phương thực hiện các Chương trình MTQG tại Quyết định 652/QĐ-TTg và Quyết định 653/QĐ-TTg về giao ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình MTQG; sau khi được giao vốn UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết 105/NQ-HĐND ngày 08/07/2022 v/v thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

    Thông tư số 55/2023/TT-BTC, ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính còn nhiều điều khoản phải theo quy định, hướng dẫn của Bộ ngành khác. [↑](#footnote-ref-13)
14. Chỉ tiêu chí số 12 về lao động; chỉ tiêu về tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử:; chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người; chỉ tiêu tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thấp còi; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định... [↑](#footnote-ref-14)
15. Trước khi Nghị định 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực. [↑](#footnote-ref-15)
16. Tại Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 2 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Tiểu dự án 3 Dự án 5 Chương trình MTQG Phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. [↑](#footnote-ref-16)
17. Qua khảo sát còn nhiều huyện chưa có chuỗi liên kết trong sản xuất: Điện Biên Đông, Mường Nhé, Nậm Pồ, Tủa Chùa... [↑](#footnote-ref-17)
18. Các huyện: Tùa Chùa, Mường Chà, Điện Biên Đông. [↑](#footnote-ref-18)
19. Có 38/115 xã đã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung; 10/10 huyện chưa triển khai rà soát quy hoạch vùng huyện. [↑](#footnote-ref-19)
20. Hiện nay đã được tháo gỡ tại Nghị quyết số 111[/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội khóa XV](https://hscv.dienbien.gov.vn/qlvb/VBden.nsf/str/82A65D02D883BDFB47258AF5002D8F9C?OpenDocument) [↑](#footnote-ref-20)
21. **Ngày 18/01/2022 Chính phủ ban hành Quyết định số 90/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và đến giữa năm 2022 các Bộ mới ban hành các Văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện. Đến ngày 28/7/2022 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 46/2022/TT-BTC quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; do vậy, một số dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh triển khai còn chậm, chưa đảm bảo theo kế hoạch ảnh hưởng đến công tác** chỉ đạo, điều hành, phối kết hợp tổ chức quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia. [↑](#footnote-ref-21)
22. (1) Quy định lao động có thu nhập thấp; (2) Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện không là đối tượng thụ hưởng của chương trình về hỗ trợ "cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo**".** [↑](#footnote-ref-22)
23. Trong đó: Tiêu chí số 5: Hộ có ít nhất 1 người đang làm việc phi nông nghiệp (làm việc từ 3 tháng trở lên trong 12 tháng qua): đề nghị quy định có 1 người; có từ 02 người trở lên; Tiêu chí 12 về tài sản: Một số tài sản sau chưa phù hợp như: Máy vi tính; máy điều hoà nhiệt độ; máy giặt, sấy quần áo; máy in, máy fax. Đề nghị bổ sung cho điểm đối với các loại máy móc, nông cụ có giá trị cao như: máy cày, máy tuốt lúa, máy cưa, máy xẻ, máy xay xát thóc ngô, máy xúc đây là những máy móc chủ yếu của người dân. Tiêu chí: Tiêu chí số 14 về Chăn nuôi: đề nghị quy định số lượng con trâu, bò, ngựa từ 3-5, từ 6-10 và từ 10 trở lên. [↑](#footnote-ref-23)
24. Trong năm 2024 do biến đổi khí hậu, thiên tai lũ lụt, một số địa phương xuất hiện nhiều điểm có nguy cơ sạt lở nghiêm trọng ảnh hưởng đến cuộc sống của nhiều hộ dân thuộc các huyện Nậm Pồ: 05 điểm, Tuần Giáo: 01 điểm... [↑](#footnote-ref-24)